

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1933/QĐ-DHSPHN2 ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Quản lý giáo dục

Tiếng Anh: Education Management

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Quản lý giáo dục;

Mã số: 8 14 01 14

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Quản lý giáo dục

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 02 năm

Vị trí việc làm: Lãnh đạo, quản lý và chuyên viên ở các tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và đào tạo, viện nghiên cứu giáo dục, các trường mầm non hoặc phổ thông...; Cán bộ nghiên cứu và giảng dạy tại các trường Đại học, cao đẳng có liên quan đến ngành, chuyên ngành đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: học tập ở trình độ Tiến sĩ về Quản lý giáo dục

Thời điểm điều chỉnh chương trình đào tạo: 2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu nhằm giúp cho học viên bồi sung, cập nhật và nâng cao kiến thức nền tảng về ngành khoa học giáo dục và chuyên ngành Quản lý giáo dục; tăng cường kiến thức liên ngành và có kiến thức chuyên sâu trong một số lĩnh vực khoa học của chuyên ngành quản lý giáo dục và năng lực vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề khoa học và thực tiễn thuộc chuyên ngành quản lý giáo dục; làm công tác quản lý giáo dục trong các cơ quan, cơ sở giáo dục và đào tạo.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
M1	Phát triển các phẩm chất chính trị và nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu và quản lý giáo dục.
M2	Có năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác, phát hiện, giải quyết những vấn đề khoa học và thực tiễn thuộc chuyên ngành quản lý giáo dục; có khả năng đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong các hoạt động chuyên môn; có năng lực ngoại ngữ tương ứng trình độ đào tạo.



M3	Có năng lực nghiên cứu và vận dụng các tri thức liên ngành về triết học, giáo dục học, tâm lý học, khoa học quản lý... trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp.
M4	Có năng lực vận dụng những kiến thức lý thuyết tiên tiến trong chuyên ngành quản lý giáo dục, am hiểu sâu một số lĩnh vực khoa học của chuyên ngành quản lý giáo dục.
M5	Có năng lực tổ chức, quản trị, quản lý các hoạt động nghề nghiệp và cải tiến các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực giáo dục.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã chuẩn đầu ra	Mô tả
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C3	Vận dụng được những tri thức liên ngành về tâm lý học, giáo dục học, giáo dục nghề nghiệp, khoa học quản lý, kinh tế học giáo dục, xã hội học giáo dục, phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục vào việc nghiên cứu quản lý giáo dục.
C4	Vận dụng được những tri thức chuyên sâu, hiện đại về quản lý nhà nước về giáo dục, quản lý chính sách và chiến lược trong giáo dục vào việc nghiên cứu và triển khai các hoạt động giáo dục và quản lý giáo dục
C5	Vận dụng được những tri thức chuyên sâu, hiện đại về quản lý nhà trường, quản lý chương trình, hoạt động giáo dục, quản lý chuyên môn, quản lý phát triển đội ngũ giáo viên việc nghiên cứu và triển khai các hoạt động giáo dục và quản lý giáo dục.
C6	Vận dụng được những tri thức chuyên sâu, hiện đại về quản lý chất lượng trong giáo dục, dự báo, thống kê và thông tin giáo dục vào việc nghiên cứu và triển khai các hoạt động giáo dục và quản lý giáo dục.
C7	Vận dụng được những tri thức chuyên sâu, hiện đại về quản lý tài chính và hạ tầng vật chất-kỹ thuật trong giáo dục vào việc nghiên cứu và triển khai các hoạt động giáo dục và quản lý giáo dục.
C8	Triển khai được các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới trong chuyên ngành quản lý giáo dục; định hướng và dẫn dắt được các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực giáo dục.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể				
	M1	M2	M3	M4	M5
C1	X				
C2		X			
C3			X		
C4				X	
C5				X	
C6				X	
C7				X	
C8		X			X

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Các học phần chung	9
II	Các học phần cơ sở ngành	20
II.1	Bắt buộc	12
II.2	Tự chọn	8
III	Các học phần chuyên ngành	21
II.1	Bắt buộc	12
II.2	Tự chọn	9
IV	Luận văn tốt nghiệp	10
TỔNG		60

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

Điều kiện về văn bằng

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Quản lý giáo dục được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

b) Người có bằng tốt nghiệp đại học không thuộc mục a) phải thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có ít nhất 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm tại một trong các lĩnh vực chuyên môn phù hợp, cụ thể bao gồm giáo viên, giảng viên, chuyên viên, cán bộ quản lý công tác tại các cơ quan giáo dục, cơ sở giáo dục – đào tạo và các tổ chức xã hội liên quan đến giáo dục và đào tạo.

- Hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức ngành Quản lý giáo dục trước khi dự thi.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ ứng với khóa học, năm học và học kỳ. Thời gian thiết kế cho một khóa đào tạo là 2 năm đối với đối tượng học viên có bằng tốt nghiệp đại học cùng ngành đào tạo hoặc gần ngành đào tạo. Thời gian tối đa hoàn thành một chương trình đào tạo (bao gồm cả thời gian nghỉ học tạm thời được quy định trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2) không vượt quá 4 năm. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) và các điều kiện bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình, các điều kiện khác theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm tổng hợp đánh giá học phần. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Thang 10 điểm được sử dụng cho tất cả các hình thức đánh giá kết quả học tập trong học phần. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm tổng hợp đánh giá học phần từ 4,0 trở lên.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy:

Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm số đã quy đổi theo thang điểm 4 của các học phần đã học từ đầu khoá học tới thời điểm được xem xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá luận văn thạc sĩ

1. Luận văn được đánh giá công khai bởi Hội đồng đánh giá luận văn. Nội dung đánh giá tập trung vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu của luận văn theo quy định; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giả quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn (tối đa 9 điểm) và điểm thành tích nghiên cứu (tối đa 1 điểm). Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
I	Các học phần chung		9					
1	Triết học	PHIL 502	4	42	36			120
2	Tiếng Anh	ENGL 503	5	30	90	0	0	150
II	Các học phần cơ sở ngành							
II.1	Bắt buộc		12					
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	EDSC 511	3	30	30	0	0	90
4	Tâm lý học giáo dục	EDSC 512	3	30	30	0	0	90
5	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên	EDSC 513	3	30	30	0	0	90
6	Khoa học tổ chức trong phát triển giáo dục	EDMA 527	3	30	30	0	0	90
II.2	Tự chọn (Chọn 4 trong 7 học phần)		8					
7	Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại	CMMS 504	2	15	30	0	0	60

8	Chuẩn giáo dục và lý thuyết chương trình giáo dục	EDSC 521	2	15	30	0	0	60
9	Văn hóa nhà trường hiện đại	EDSC 522	2	15	30	0	0	60
10	Giáo dục so sánh	EDSC 523	2	15	30	0	0	60
11	Tâm lý học quản lý, lãnh đạo	EDMA 524	2	15	30	0	0	60
12	Kinh tế học giáo dục	EDMA 525	2	15	30	0	0	60
13	Xã hội học giáo dục	EDMA 526	2	15	30	0	0	60
III	Các học phần chuyên ngành		21					
III.1	Bắt buộc		12					
14	Những vấn đề cơ bản của quản lý giáo dục	EDMA 541	3	30	30	0	0	90
15	Tiếp cận quản lý giáo dục hiện đại	EDMA 542	3	30	30	0	0	90
16	Thể chế nhà nước trong giáo dục	EDMA 543	3	30	30	0	0	90
17	Phương pháp và kỹ năng quản lý nhà trường	EDMA 544	3	30	30	0	0	90
III.2	Tự chọn		9					
	(Chọn 3 trong 7 học phần dưới đây)							
18	Phát triển chính sách và chiến lược trong giáo dục	EDMA 551	3	30	30	0	0	90
19	Quản lý chương trình giáo dục	EDMA 552	3	30	30	0	0	90
20	Quản lý nhân sự và nguồn nhân lực trong giáo dục	EDMA 553	3	30	30	0	0	90
21	Quản lý tài chính và hạ tầng vật chất-kỹ thuật trong giáo dục	EDMA 554	3	30	30	0	0	90
22	Quản lý chuyên môn trong giáo dục	EDMA 555	3	30	30	0	0	90
23	Dự báo, thống kê và thông tin giáo dục	EDMA 556	3	30	30	0	0	90
24	Quản lý chất lượng trong giáo dục	EDMA 557	3	30	30	0	0	90
IV	Luận văn tốt nghiệp		10					
TỔNG			60					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra							
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8
PHIL 502	T							
ENGL503		T						
EDSC 511			U					T
EDSC 512			T					
EDSC 513			T					

EDMA 527			T					
CMMS 504			T					
EDSC 521			T					
EDSC 522			U		T			
EDSC 523			T					
EDMA 524			T					
EDMA 525			T					
EDMA 526			T					
EDMA 541			U	T	T	I	I	I
EDMA 542			U	T	T	I	I	I
EDMA 543			U	T	I			
EDMA 544					T			
EDMA 551				T				
EDMA 552					T			
EDMA 553					T			
EDMA 554							T	
EDMA 555					T			
EDMA 556						T		
EDMA 557						T		

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Môn học còn góp phần hình thành phẩm chất chính trị cho người học và hỗ trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành. Học phần cung cấp tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

8.2. Tiếng Anh

Học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý giáo dục (QLGD) có khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ B1 (tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) truyền đạt cho người học, cùng với quá trình rèn luyện cho người học có được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở trình độ này.

8.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản Đại cương nghiên cứu khoa học trong QLGD; Phương pháp luận NCKH giáo dục; Các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; Quy trình tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục. Học phần giúp học viên nắm vững những hướng nghiên cứu cơ bản trong khoa học giáo dục và những yêu cầu cơ bản trong nghiên cứu khoa học giáo dục. Hình thành các kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng tổ chức hoạt động NCKH giáo dục.

8.4. Tâm lý học giáo dục

Học phần trang bị cho học viên những lý thuyết khoa học trong tâm lý học về quá trình học tập ở con người, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục, giúp học viên lý giải bản chất của việc học và của người học, mô tả quá trình học tập, đặc điểm của hoạt động học tập, qui luật của hành vi học tập và quan hệ của học tập với những điều kiện sinh học, tâm lý, văn hóa, xã hội v.v... và chỉ ra việc dạy học và giáo dục phải như thế nào thì thích hợp với bản chất tâm lý của người học và việc học.

8.5. Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên

Học phần cung cấp những kiến thức, phương pháp tư duy và hành động về phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên, đáp ứng những đổi mới của giáo dục nhà trường theo tiếp cận năng lực, giúp người học hiểu được các khái niệm cơ bản như năng lực, tiếp cận năng lực, phát triển nghề nghiệp của giáo viên, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn đầu ra, mô hình nghiên cứu bài học và việc xác định các con đường, cách thức phát triển giáo viên theo tiếp cận năng lực.

8.6. Khoa học tổ chức trong phát triển giáo dục

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về tổ chức, đặc điểm và các kiểu cơ cấu tổ chức, phương pháp hình thành tổ chức; những vấn đề chung về tổ chức; phương pháp thiết kế tổ chức; yêu cầu và nguyên tắc tổ chức; các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức. Sự thay đổi và phát triển tổ chức; văn hóa tổ chức. Qua đó, học viên phân tích được các đặc điểm của tổ chức; thiết kết được một tổ chức dựa trên cơ sở các phương pháp hình thành tổ chức được nghiên cứu và có thái độ tích cực và thói quen ứng xử theo văn hóa tổ chức trong các hoạt động của bản thân.

8.7. Chương trình, phương pháp và kĩ năng dạy học hiện đại

Chương trình, phương pháp và kĩ năng dạy học hiện đại là lĩnh vực học thuật nền tảng của Lý luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề lý thuyết khoa học và các kĩ năng phát triển chương trình, kĩ năng dạy học và phương pháp dạy học được thực hiện qua trình giảng dạy, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục. Nội dung học phần bao gồm 3 phần chủ yếu: 1/Lý luận và kĩ năng phát triển chương trình giáo dục; 2/Lý luận và ứng dụng phương pháp dạy học; 3/Lý luận và ứng dụng kĩ năng dạy học.

8.8. Chuẩn giáo dục và Lý thuyết chương trình giáo dục

Chuẩn và lý thuyết chương trình giáo dục là lĩnh vực học thuật nền tảng của lý luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề khoa học, những lý thuyết khoa học về chuẩn giáo dục và chương trình giáo dục nói chung, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục. Đó là hai vấn đề luôn gắn chặt với nhau trong phát triển chương trình, quản lý chương trình, hoạt động dạy học của nhà trường. Chương trình giáo dục cần được quản lý và phát triển dựa vào chuẩn giáo dục quốc gia. Ngược lại các chuẩn giáo dục hiện đại thường được phát triển theo tiếp cận năng lực và dựa vào những kĩ thuật nhất định.

8.9. Văn hóa nhà trường hiện đại

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: văn hóa nhà trường và tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường; vai trò của hiệu trưởng trong lãnh đạo và phát triển văn hóa nhà trường; hệ thống các giá trị cốt lõi để phát triển văn hóa nhà trường; nhiệm vụ của nhà quản lý trong việc phát triển văn hóa nhà trường; cách xác định được các giá trị cốt lõi và cách thức lãnh đạo phát triển văn hóa nhà trường. Thông qua đó học viên có thái độ tích cực, quyết tâm lãnh đạo phát triển văn hóa nhà trường.

8.10. Giáo dục so sánh

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề về quá trình hình thành và phát triển, khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của giáo dục so sánh; các nguyên tắc, cách tiếp cận và các kỹ thuật so sánh giáo dục, qua đó giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về giáo dục so sánh như: quá trình hình thành, khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu; các nguyên tắc, cách tiếp cận và các kỹ thuật so sánh giáo dục.

8.11. Tâm lý học quản lý, lãnh đạo

Trên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương đã được học ở đại học, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong công tác quản lý, những kiến thức về tâm lý cá nhân, tâm lý tập thể và ý nghĩa của chúng trong công tác của nhà quản lý. Ngoài ra, giúp cho học viên biết được những phẩm chất cơ bản của nhà quản lý, những hiện tượng tâm lý điển hình của nhà quản lý.

8.12. Kinh tế học giáo dục

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết và hình thành kỹ năng thuộc lĩnh vực kinh tế học giáo dục của trường học hay cơ quan quản lý giáo dục địa phương; trang bị cho người học biết đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu kinh tế học giáo dục; quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển giáo dục; giáo dục trong điều kiện toàn cầu hóa và kinh tế tri thức; đầu tư phát triển giáo dục thế giới và Việt Nam.

8.13. Xã hội học giáo dục

Học phần giới thiệu tổng quan về Xã hội học và Giáo dục học; các vấn đề cơ bản của Xã hội học giáo dục. Qua đó giúp người học khái quát lịch sử phát triển xã hội học, Giáo dục học và Xã hội học giáo dục, hiểu các khái niệm và phạm trù cơ bản của xã hội học giáo dục; mối quan hệ giữa thiết chế giáo dục và các lĩnh vực khác của xã hội học.

8.14. Những vấn đề cơ bản của quản lý giáo dục

Học phần này sẽ đem đến cho người học những kiến thức chung về khoa học quản lý giáo dục làm cơ sở nền tảng cho việc xem xét quá trình quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục, đồng thời đem đến cho người học những kinh nghiệm trong quản lý giáo dục ở các nước và vấn đề đổi mới quản lý giáo dục hiện nay.

8.15. Tiếp cận quản lý giáo dục hiện đại

Học phần giúp học viên có những hiểu biết, cách nhìn và cách giải quyết trên bình diện tổng thể các vấn đề về giáo dục và quản lý giáo dục. Đó là các tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận lý thuyết hành vi, tiếp cận văn hóa quản lý, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể, tiếp cận dựa vào nhà trường..

8.16. Thể chế nhà nước trong giáo dục

Học phần cung cấp những khái niệm về quản lý Nhà nước; phân tích đặc điểm, nội dung và hình thức quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở nước ta; quản lý hành chính nhà nước về giáo dục và đào tạo; ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục; xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình quốc gia về phát triển giáo dục; quy định mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục, tiêu chuẩn giáo viên, trường sở và thiết bị giáo dục, quy chế thi và hệ thống văn bằng; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục; chính sách GD&ĐT; quy trình và phương pháp triển khai chính sách trong QLNN về GD&ĐT; phương pháp phân tích đánh giá trong QLNN về GD&ĐT; quản lý và thực thi hệ thống văn bản quản lý nhà nước trong giáo dục và đào tạo; văn bản QLNN trong GD&ĐT.

8.17. Phương pháp và kỹ năng quản lý nhà trường

Học phần này cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Quản lý nhà trường (bản chất của quản lý nhà trường, đặc điểm của quản lý nhà trường, nhiệm vụ của quản lý

nha trường vai trò của hiệu trưởng trong quản lý nhà trường); cung cấp một số kiến thức và hướng dẫn rèn luyện phương pháp quản lý nhà trường và các kỹ năng quản lý nhà trường.

8.18. Phát triển chính sách và chiến lược trong giáo dục

Học phần cung cấp cho người học những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng chiến lược giáo dục; những vấn đề có tính chất phương pháp luận, quan điểm, quy trình cũng như phương pháp xây dựng chiến lược phát triển giáo dục; chính sách giáo dục, quy trình xây dựng và thực thi chính sách giáo dục.

8.19. Quản lý chương trình giáo dục

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về xây dựng và phát triển chương trình học và tổ chức quá trình đào tạo, từ đó giúp người học chủ động áp dụng kiến thức đã học vào chương trình giảng dạy thực tế.

8.20. Quản lý nhân sự và nguồn nhân lực trong giáo dục

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về quản trị nhân sự và nguồn nhân lực trong giáo dục. Trong đó, chú ý mục tiêu, chức năng, vai trò môi trường của quản trị nhân sự; học viên phân tích được công việc, biết hoạch định nguồn nhân lực, biết cách tuyển nhân sự hiệu quả, biết sử dụng và phát triển nguồn nhân sự ngày một chất lượng cao.

8.21. Quản lý tài chính và hạ tầng vật chất -kỹ thuật trong giáo dục

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản lý tài chính - CSVC, biện pháp quản lý các hoạt động này trong nhà trường, làm cơ sở để học viên nghiên cứu, thực hiện việc quản lý, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động này ở nhà trường. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chuyên môn và chuyên môn trong giáo dục; kiến thức cơ bản về quản lý chuyên môn trong giáo dục (khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ của quản lý chuyên môn ở các cấp quản lý giáo dục, đặc biệt là nhiệm vụ quản lý chuyên môn ở cấp cơ sở (nhà trường).

8.22. Quản lý chuyên môn trong giáo dục

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chuyên môn và chuyên môn trong giáo dục; kiến thức cơ bản về quản lý chuyên môn trong giáo dục (khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ của quản lý chuyên môn ở các cấp quản lý giáo dục, đặc biệt là nhiệm vụ quản lý chuyên môn ở cấp cơ sở (nhà trường).

8.23. Dự báo, thống kê và thông tin giáo dục

Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Dự báo (khái niệm, vai trò và nguyên tắc của dự báo, phân loại dự báo và phương pháp dự báo); cung cấp một số kiến thức cơ bản về thống kê (khái niệm, vị trí vai trò của thống kê, các loại thống kê, phương pháp thống kê); cung cấp những kiến thức cơ bản về thông tin và hệ thống thông tin quản lý giáo dục, thực trạng hệ thống thông tin quản lý giáo dục Việt Nam.

8.24. Quản lý chất lượng trong giáo dục

Học phần trang bị cơ sở tri thức khoa học ở trình độ sau đại học và hướng dẫn nghiên cứu về quản lý chất lượng giáo dục, ứng dụng nó một cách hệ thống, thiết thực vào công tác quản lý, đáp ứng yêu cầu hiểu và áp dụng những cơ sở tri thức này ở cơ sở giáo dục và các cấp quản lý giáo dục. Trong đó, chú trọng vấn đề về chất lượng và quản lý chất lượng giáo dục, các mô hình quản lý chất lượng tổng thể (TQM) và các mô hình quản lý chất lượng theo chuẩn ISO, trong đó đặc biệt nhấn mạnh những cách hiểu mới và thích hợp với bối cảnh nghiên cứu và thực tiễn quản lý giáo dục hiện nay ở Việt Nam.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nhà trường

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.
- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.2. Phòng Đào tạo

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.
- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.
- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;
- Chủ động đề xuất với trường trong hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước;
- Tham gia kiểm định chất lượng.

9.3. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia các hoạt động rà soát, cập nhật chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

9.4. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.
- Phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.



Nguyễn Quang Huy